

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Công Minh.
- Ông Phùng Văn Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 615/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Thúy H – sinh năm 1984;

HKTT: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1974;

HKTT: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt tại phiên tòa;

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hoà giải không được nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thúy H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện cưới nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2013. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì bất phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt và mỗi lần nhậu say anh T dùng vũ lực với chị. Chị và anh T đã sống ly thân cách đây 06 tháng.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 2009 và Nguyễn Thị Huỳnh H1 – sinh ngày 31/5/2013. Hiện nay cả 02 con chung đang do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.500.000 đồng/tháng, nhưng anh T công việc không ổn định nên nay chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Theo bản biên bản lấy khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị H cưới nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn.

Nay chị H yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý do anh còn thương vợ, anh yêu cầu cho anh chị thời gian qua tết để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 2009 và Nguyễn Thị Huỳnh H1 – sinh ngày 31/5/2013. Hiện nay con chung đang ở chung với vợ chồng anh chị. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị H không nuôi con thì anh nuôi 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng

xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H** đối với anh **T**. Về con chung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị **H** và buộc anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu **N**, cháu **H1** đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, chị **H** trình bày giữa chị và anh **T** không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **H** yêu cầu được ly hôn với anh **T** và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung giữa chị và anh **T** khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị **H** và anh **T** đều đăng ký tạm trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[3] Bị đơn anh **T** có đơn vắng mặt không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh **T**.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **H** đối với anh **T**, Hội đồng xét xử xét thấy chị **H** và anh **T** tự nguyện cưới nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** vào năm 2013 nên hôn nhân giữa chị **H** và anh **T** là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021, thì chị **H** và anh **T** bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nay chị **H** xin ly hôn với anh **T**, phía bị đơn anh **T** không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **H** và anh **T** có thời gian ly thân nhưng anh chị không tự giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm, đồng thời anh **T** không có biện pháp để anh và chị **H** giải quyết mâu thuẫn nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **H** và anh **T** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H** đối với anh **T**.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Huỳnh N** – sinh năm 2009 và **Nguyễn Thị Huỳnh H1** – sinh ngày 31/5/2013. Khi ly hôn, chị **H** yêu cầu

được nuôi dưỡng cả 02 con chung, bị đơn anh **T** đồng ý để chị **H2** nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu **N** và cháu **H1** có nguyện vọng được sống với chị **H** khi chị **H** và anh **T** ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho cháu **N**, cháu **H1** phát triển về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị **H**.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị **H** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bị đơn anh **T** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung trong trường hợp chị **H** nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, khi ly hôn anh **T** không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường nên anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các cháu theo quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị **H** đối với anh **T** và buộc anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[7] Về tài sản chung: Chị **H** và anh **T** trình bày anh chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và anh **T** phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thúy H đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Huỳnh Thị Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H đối với anh T. Giao con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 2009 và Nguyễn Thị Huỳnh H1 – sinh ngày 31/5/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 04/2024 cho đến khi cháu N, cháu H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung thì anh T còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0006667 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị H đã thi hành xong.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Đào Oanh